

BẢN CHI TIẾT SẢN PHẨM

Sikaflex®-402 Airport

KEO TRÁM KHE CHO ĐƯỜNG SÂN BAY

MÔ TẢ

Sikaflex®-402 Airport là chất trám khe đàn hồi, gốc PUR 2 thành phần, tự san phẳng được thiết kế đặc biệt để trám các khe nối trong thi công mặt đường sân bay với khả năng co giãn là $\pm 35\%$. Thích hợp cho việc sử dụng cả bên trong lẫn bên ngoài.

ỨNG DỤNG

- Trám khe cho mặt đường bê tông sân bay bao gồm sân đỗ, nhà chứa và bãi đậu máy bay.

ĐẶC TÍNH/ ƯU ĐIỂM

- Tự san phẳng
- Không chứa thành phần độc hại - hắc ín
- Kháng nhiên liệu hóa chất từ máy bay
- Không sử dụng tại nơi áp dụng tiêu chuẩn EN 14188-2 hoặc EN 15651-4

TÍNH BỀN VỮNG

- Bản công bố sản phẩm về môi trường IBU (EPD)

SỰ PHÊ CHUẨN / TIÊU CHUẨN

- Tuân thủ tiêu chuẩn ASTM C920-14, Sikaflex-402 Airport, MST, Bản báo cáo số 0716920-SIKA
- Đáp ứng tiêu chuẩn Federal Specification SS-S-200E, Sikaflex-402 Airport, Intertek, Bản báo cáo tóm tắt số F0913.01-106-31

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Gốc hoá học	PUR 2 thành phần		
Đóng gói	Thành phần A	Thùng 17,1 L	
	Thành phần B	Thùng 1,9 L	
Màu sắc	Đen, xám		
Hạn sử dụng	9 tháng kể từ ngày sản xuất.		
Điều kiện lưu trữ	Sản phẩm phải được bảo quản theo đúng tiêu chuẩn, chưa mở và không hư hỏng trong điều kiện khô ráo với nhiệt độ từ $+5^{\circ}\text{C}$ tới $+25^{\circ}\text{C}$. Luôn luôn tham khảo trên bao bì sản phẩm.		
Tỷ trọng	Thành phần A	$\sim 1,15\text{ kg/l}$	(ISO 1183-1)
	Thành phần B	$\sim 1,10\text{ kg/l}$	
	Đã trộn	$\sim 1,15\text{ kg/l}$	
Công bố sản phẩm	Đã vượt qua tất cả yêu cầu theo các tiêu chuẩn ASTM C920-14: Type M, Grade P, Class 35, Uses T2, và M. Federal Specification SS-S-200E.		

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Độ cứng Shore A	≥15 (sau 28 ngày)	(ASTM C 661, ISO 868)	
Cường độ kéo	~0,50 N/mm ²	(ISO 37)	
Độ giãn dài tới đứt	~500 %	(ISO 37)	
Khả năng chuyển vị	±35 %	(ASTM C 719)	
KHÁNG HOÁ CHẤT	Về sự tương thích nhiên liệu máy bay. Vui lòng liên hệ với Bộ phận kỹ thuật từ tập đoàn Sika để biết thông tin cụ thể.		
Nhiệt độ làm việc	-40 °C tới +80 °C.		
Khe thiết kế	Kích thước khe phải được thiết kế sao cho phù hợp với khả năng co giãn của keo trám khe. Chiều rộng khe nên ≥ 8,0 mm và ≤ 25 mm. Chiều sâu của khe nên vào khoảng giữa 0.5 và 0.8 so với chiều rộng khe (tỉ lệ giữa độ rộng và độ sâu nên ở khoảng 1:0,8 và 2:1), luôn đảm bảo ≥ 8 mm. Khe phải được cắt lõm xuống một nửa so với chiều rộng của khe, luôn đảm bảo ≥ 10 mm.		
	Kích thước khe điển hình		
	Chiều rộng khe [mm]	Chiều sâu khe [mm]	Độ sâu vết lõm dưới bề mặt [mm]
	8	8	10
	10	8	10
	15	8	10
	20	10	10
	25	12	13

Các khe lớn hơn vui lòng liên hệ với bộ phận kỹ thuật của Sika.

THÔNG TIN THI CÔNG

Tỷ lệ trộn	9 : 1 theo thể tích (Thành phần A : Thành phần B)		
Định mức	Chiều rộng khe [mm]	Chiều sâu khe [mm]	Chiều dài khe [m] / 19 lít
	8	8	300
	10	8	240
	15	8	160
	20	20	95
	25	25	60
Vật liệu chèn	Sử dụng chất chèn khe backing rods, có cấu trúc dạng đống.		
Sự chảy võng	Tự san phẳng. Sử dụng cho độ dốc ≤ 3 %		
Nhiệt độ môi trường	+5 °C tới +40 °C.		
Nhiệt độ bề mặt	+5 °C tới +40 °C. Tối thiểu 3 °C trên nhiệt độ điểm sương		
Thời gian thi công	~40phút (23 °C / 50 % r.h.)		
Thời gian bảo dưỡng	~48 giờ để đạt 100% về cường độ		

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Nền bê tông phải sạch, khô, cứng đồng nhất và không dính dầu, mỡ, bụi, vữa xi măng và các thành phần bỏ rời, dễ bong tróc. Bề mặt bê tông nên được cắt rãnh

hoặc loại bỏ vữa xi măng. Trường hợp các khe ở lớp nền bị cắt rãnh. Sau khi cắt, tất cả các vữa xi măng, phải được làm sạch và bề mặt khe cần được khô ráo. Để có độ bám dính và độ bền của khe được tối ưu, việc tuân thủ các quy trình xử lý bề mặt phải được tiến hành như sau:

Sử dụng chổi để vệ sinh và xử lý với Sika® Primer-206

G+P hoặc Sika® Primer-115 bằng cọ quét hoặc rulo. Thời gian se mặt > 30 phút (< 8 giờ).

Lưu ý: Lớp lót là chất làm tăng khả năng bám dính của keo lên bề mặt chất nền. Chúng không phải là chất thay thế cho việc làm sạch bề mặt hay cải thiện đáng kể cường độ của bề mặt chất nền. Sử dụng chất quét lót sẽ làm cải thiện chất lượng lâu dài của khe đã được trám kín keo.

TRỘN

Trước khi trộn chung, nên khuấy thành phần A bằng máy trộn điện một cánh tốc độ thấp (300–400 rpm) cho đến khi đều màu trước. Thêm thành phần B vào thành phần A và quấy đều hai thành phần lại với nhau liên tục trong 3 đến 5 phút đến khi hỗn hợp có màu đồng nhất. Nhằm đảm bảo trộn đều, đổ vật liệu vào một thùng sạch và trộn lại trong ít nhất 1 phút cho đạt được hỗn hợp mịn đồng nhất. Tránh trộn quá nhiều, mục đích giảm thiểu hiện tượng cuốn khí. Trong suốt vòng trộn cuối cùng, dùng bay phẳng, thẳng cào sát bên thành và đáy thùng ít nhất một lần để đảm bảo trộn hoàn toàn. Chỉ trộn đầy đủ theo thể tích đã được quy định sẵn. Tổng thời gian từ 4 đến 6 phút.

BIỆN PHÁP THI CÔNG / DỤNG CỤ

Tham khảo tài liệu hướng dẫn thi công: Sikaflex®-402 Airport để biết thêm thông tin.

VỆ SINH DỤNG CỤ

Làm sạch tất cả dụng cụ thi công ngay lập tức sau khi sử dụng bằng Sika® Remover-208. Một khi keo đã đông cứng chỉ có thể làm sạch bằng cơ học. Để lau chùi những vùng da bị dính keo sử dụng Sika® Cleaning Wipes-100.

TÀI LIỆU CHI TIẾT HƠN

- Tài liệu hướng dẫn thi công: Sikaflex®-402 Airport
- Video hướng dẫn sử dụng pump cho Sikaflex®-402 Airport
- Tài liệu xử lý bề mặt keo Trám khe và Kết dính

CHÚ Ý QUAN TRỌNG

- Không sử dụng Sikaflex®-402 Airport trên bề mặt đá tự nhiên.
- Không sử dụng bất kỳ loại chất quét lót nào khác ngoài quy định trong tài liệu kỹ thuật của sản phẩm.
- Không sử dụng Sikaflex®-402 Airport để trám khe trong và xung quanh hồ bơi.
- Không sử dụng Sikaflex®-402 Airport ở các khu vực tiếp xúc với axit oxy hóa mạnh (ví dụ. axit nitric) và bazơ.
- Không sử dụng cho kết cấu kính mặt dựng hoặc như là chất trám khe kính.

Công ty Sika Hữu Hạn Việt Nam

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1
Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam
Tel: (84-251) 3560 700
Fax: (84-251) 3560 699
sikavietnam@vn.sika.com
vnm.sika.com



Bản chi tiết sản phẩm

Sikaflex®-402 Airport
Tháng Tám 2020, Hiệu đính lần 01.01
02051504000000012

- Không sử dụng sản phẩm trên bề mặt bitum, bề mặt cao su tự nhiên, cao su EPDM hoặc trên bất kỳ vật liệu xây dựng nào có thể làm rỉ dầu, nhựa hay dung môi có thể gây ảnh hưởng đến chất trám khe.
- Không sử dụng Sikaflex®-402 Airport tại nơi áp dụng tiêu chuẩn EN 14188-2 hoặc EN 15651-4.

THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM

Tất cả thông số kỹ thuật trong tài liệu này đều dựa trên kết quả ở phòng thí nghiệm. Các dữ liệu đo thực tế có thể khác tùy theo trường hợp cụ thể.

GIỚI HẠN ĐỊA PHƯƠNG

Lưu ý rằng tùy theo kết quả yêu cầu từng địa phương riêng biệt mà tính năng sản phẩm có thể thay đổi từ nước này sang nước khác. Vui lòng xem tài liệu kỹ thuật sản phẩm địa phương để biết mô tả chính xác về khu vực thi công.

SINH THÁI HỌC, SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN

Để biết thông tin và được tư vấn về an toàn sử dụng, lưu trữ và thải bỏ sản phẩm thuộc nhóm hóa chất, người sử dụng nên tham khảo Tài Liệu An Toàn Sản Phẩm mới nhất về lý tính, sinh thái, tính độc hại và tài liệu an toàn liên quan khác.

LƯU Ý PHÁP LÝ

Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.

Sikaflex-402Airport-vi-VN-(08-2020)-1-1.pdf